

Số: 1430/BC-UBND

An Giang ngày 24 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Năm 2024, từ ngày 15/12/2023 – 14/12/2024)

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (được Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung), Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo; UBND tỉnh An Giang báo cáo Văn phòng Chính phủ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: 0 thủ tục.
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: 0 thủ tục.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Trong kỳ tỉnh An Giang không phát sinh dự thảo văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Trong năm 2024, tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: là 114 Quyết định (Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0 văn bản.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố 1043 thủ tục (bao gồm: công bố mới: 403 TTHC; Sửa đổi, bổ sung: 410 TTHC; bãi bỏ 230 TTHC); trong đó số TTHC được công khai 813 thủ tục, không công khai 230 thủ tục.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 2010 thủ tục; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 2006 thủ tục; số TTHC do địa phương quy định: 04 thủ tục.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Theo đó, tổng số TTHC phải rà theo quyết định là 08 TTHC. Ngày 20/9/2024, UBND tỉnh đã có báo cáo số 891/BC-UBND gửi Văn phòng Chính phủ kết quả kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024. Theo đó, tỉnh kiến nghị cơ quan thẩm quyền sửa đổi bổ sung 04 TTHC; bãi bỏ 04 TTHC.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận **73** phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 73; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 51; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 22.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: **71** PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 71 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: **02** PAKN (Lĩnh vực đất đai cấp tỉnh).

b) Các cơ quan ngành dọc:

Trong kỳ báo cáo, địa phương đã tiếp nhận **354** phản ánh, kiến nghị, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ: 354; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 229; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 125.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: **340** PAKN; trong đó số đã được đăng tải công khai: 340 PAKN.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: **14** PAKN (Công an tỉnh, các lĩnh vực: Cấp, quản lý thẻ CCCD: 5 PAKN, Quản lý xuất nhập cảnh: 2 PAKN, Đăng ký quản lý phương tiện giao thông: 2 PAKN, Đăng ký, quản lý cư trú: 1 PAKN, Lĩnh vực khác: 4 PAKN).

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC (Các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh)

a) Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 901.402, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 892.087 (trực tuyến: 661.775, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 230.312), số từ kỳ trước chuyển qua: 9.315.

- Số lượng hồ sơ **đã giải quyết**: 893.181; trong đó, giải quyết trước hạn: 359.298, đúng hạn: 532.039, quá hạn: 1.844 (cấp huyện với 1.478 hồ sơ; cấp tỉnh: 189 hồ sơ; cấp xã: 177 hồ sơ) chiếm 0,21% trong tổng hồ sơ đã giải quyết.

- Số lượng hồ sơ **đang giải quyết**: 8.221; trong đó, trong hạn: 8.027, quá hạn: 194 (chiếm tỷ lệ 2,34% trong tổng hồ sơ đang giải quyết).

- Tỷ lệ giải quyết **hồ sơ đúng hạn** ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 899.364/901.402 hồ sơ, tỷ lệ 99,77%;

- Tỷ lệ hồ sơ **quá hạn** (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): 2.038 hồ sơ, tỷ lệ 0,23%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Những trường hợp giải quyết quá hạn các đơn vị điều có thư xin lỗi, người dân và doanh nghiệp.

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ là 183.944 hồ sơ, trong đó: mức độ 3 (một phần) là 27.180 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 14,78%; mức độ 4 (toàn trình) là 93.407 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 50,78%.

- Hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 3.587 hồ sơ.

- Hồ sơ không đủ điều kiện: 892 hồ sơ.

- Tổng hồ sơ phải xử lý: 187.9531 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ đã xử lý và trả kết quả trong kỳ là 170.550 hồ sơ, trong đó: đúng hạn 170.398 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 99,91%; trễ hạn 152 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,09%.

- Hồ sơ đang giải quyết và chuyển sang kỳ sau là 16.216 hồ sơ.

- Bưu điện tỉnh tiếp nhận 3.429 hồ sơ và trả kết quả 29.539 hồ sơ.

- Ngân hàng Vietinbank thu hộ phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính đến hết tháng 11 năm 2024 là 6.408.454.641 đồng.

c) Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 4.325.074, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 4.310.340 (trực tuyến: 3.884.246, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 426.094); số từ kỳ trước chuyển qua: 14.734.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 4.288.017; trong đó, giải quyết trước hạn: 1.831.957, đúng hạn: 2.455.959, quá hạn: 101.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 37.057; trong đó, trong hạn: 37.057, quá hạn: 0.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn ((trước hạn + đúng hạn + đang giải quyết trong hạn)/ Tổng số hồ sơ tiếp nhận): 4.324.973/4.325.074 hồ sơ, tỷ lệ 99,9977 %;

- Tỷ lệ hồ sơ quá hạn (đã trả kết quả quá hạn + đang giải quyết quá hạn): 101, chiếm tỷ lệ: 0,0023%.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện:

a) Tình hình triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

- Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Trong năm 2018, UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 548/KH-UBND ngày 06/9/2018 về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh An Giang đã hoàn thành việc kiện toàn 100% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã, trong đó bao gồm cả TTPVHCC của tỉnh¹.

- Thực hiện quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (gọi tắt là Đề án). Trong năm 2021, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và đến nay 11/11 UBND cấp huyện cơ bản đã xây dựng và ban hành kế hoạch theo đúng yêu cầu của Thủ tướng và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị

¹ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang.

định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Năm 2024 UBND tỉnh tiếp tục thực hiện Quyết định số 277/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ, ký số kết quả thủ tục hành chính theo các quyết định của UBND tỉnh đã ban hành, cụ thể:

+ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 về Ban hành danh mục thủ tục hành chính bắt buộc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử cho tổ chức, cá nhân.

+ Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về ban hành danh mục thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ phải số hóa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã và các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

b) Tình hình công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã công bố danh mục với 100% TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa đảm bảo đúng quy định tại Điều 14 Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/04/2018 của Văn phòng Chính phủ và danh mục TTHC tiếp nhận trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

Trong Năm 2024, UBND tỉnh đã công bố **114** Quyết định về công bố danh mục TTHC: ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ, hủy bỏ, thay thế danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của một số cơ quan, đơn vị (*Phụ lục 1*); **55** Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của các đơn vị (*Phụ lục 2*).

c) Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết TTHC

UBND tỉnh đã tổ chức triển khai việc đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp); Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh hàng tháng giúp UBND tỉnh công khai kết quả đánh giá các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Đến nay (20/12/2024) tổng điểm An Giang đạt **85,47/100** điểm, xếp vị trí **9/63** tỉnh, thành phố và **vị trí thứ 2/13** tỉnh, thành phố trong khu vực theo Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp nêu trên.

d) Tình hình, kết quả đề xuất các TTHC thực hiện liên thông

Hiện nay tỉnh An Giang vẫn đang thực hiện Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về công bố danh mục TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

- Liên thông giữa các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh với 85 thủ tục (các cơ quan ngành dọc 05 thủ tục).

- Liên thông cùng cấp với 140 thủ tục:

- + Cấp tỉnh với 103 thủ tục.

- + Cấp huyện với 31 thủ tục.

- + Các cơ quan ngành dọc với 06 thủ tục.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

a) Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 phê duyệt danh mục DVCTT bắt buộc trả kết quả bản điện tử; Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa; UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tái cấu trúc quy trình TTHC, qua đó tỉnh đã ban hành Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang (cung cấp toàn trình: 1405 DVCTT; cung cấp một phần: 470 DVCTT; cung cấp thông tin: 80 DVC).

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã cung cấp đầy đủ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh và một phần theo các quyết định đã công bố; đã và đang thực hiện tích hợp Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể:

- + Số lượng DVCTT toàn trình: 759 (39,45%).

- + Số lượng DVCTT một phần: 441 (22,92%).

- + Số lượng dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 724 (37,63%).

Bên cạnh đó, Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp giao diện cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp tại địa chỉ

<https://dichvucong.angiang.gov.vn/dichvucong/hoidap>, tiếp nhận phản ánh kiến nghị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua kênh tương tác Zalo, liên hệ trực tiếp. Đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) cho người dân trên Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang nhằm giải đáp thắc mắc của người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thực hiện kết nối với các hệ thống của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.

Kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các phần mềm ứng dụng chuyên ngành trong nội bộ tỉnh:

- Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;
- Kết nối liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống quản lý chuyên ngành của các Bộ, ngành trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cụ thể:
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý Hộ tịch: Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử, Đăng ký kết hôn).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp).
 - + Phần mềm chuyên ngành Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua).
 - + Kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an (ngày 11/12/2022).
 - + Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov).

+ Hệ thống phần mềm dịch vụ công “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến” tại đường dẫn <https://dvcbtxh.molisa.gov.vn/> của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang theo hướng dẫn tại Công văn số 429/TTCNTT-PM ngày 15/7/2022 của Trung tâm Công nghệ thông tin – Bộ Giao thông vận tải.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã thực hiện kết nối thành công với Phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an để thực hiện liên thông thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất (theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/06/2024 của Chính phủ).

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đã thực hiện kết nối thành công với ứng dụng VNeID do Bộ Công an cung cấp để thực hiện việc mở rộng thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 656/TTg-KSTT² ngày 24/8/2024).

b) Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

Trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 03/03/2021 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa khi dự án kết thúc.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các đơn vị, lập dự toán kinh phí cho việc nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) để trình UBND tỉnh xin chủ trương bố trí kinh phí để thực hiện.

Đối với dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực đã được UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 cần

² Văn bản số 656/TTg-KSTT ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ mở rộng thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID.

phải điều chỉnh để đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Văn phòng Chính phủ.

Trong năm 2024 (từ ngày 15/12/2023 đến 14/12/2024), UBND tỉnh đã thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ (TPHS) khi tiếp nhận: **85,47% (tăng 49.54% so với năm trước)**; tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: **88,35% (tăng 53.59% so với năm trước)**, cụ thể:

Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận:

Số hồ sơ Tiếp nhận: 664746 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá TPHS: 67529 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá thành phần hồ sơ: 597217 hồ sơ;

Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ: 575726 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận: 86,61%;

Số hóa kết quả giải quyết TTHC:

Số hồ sơ đã giải quyết: 655353 hồ sơ;

Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC: 72164 hồ sơ;

Số hồ sơ có số hoá kết quả: 583189 hồ sơ;

Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ: 88,99%;

c) Tình hình tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tính đến nay, đã thực hiện đồng bộ, **tích hợp 1.200/1.875** dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt **tỷ lệ 64%** theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào **ngày 11/12/2022**.

Đã thực hiện kết nối, tích hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 8/25 dịch vụ công thiết yếu nêu trên vào bước tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ và hiển thị 20 trường thông tin công dân trên hệ thống khi kiểm tra có dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư.

d) Triển khai tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 25 dịch vụ công thiết yếu theo Phụ lục 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã triển khai

8/25 dịch vụ công thiết yếu:

- (1) Đăng ký khai sinh;
- (2) Đăng ký khai tử;
- (3) Đăng ký kết hôn;
- (4) Triển khai nhóm thủ tục hành chính liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- (5) Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất do thay đổi thông tin người được cấp giấy chứng nhận (đổi giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ);
- (6) Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống phần mềm chuyên ngành của Bộ giáo dục và Đào tạo);
- (7) Cấp phiếu lý lịch tư pháp;
- (8) Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (Thực hiện tiếp nhận và xử lý trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).

- Đối với 17/25 dịch vụ công thiết yếu còn lại đang được triển khai trên phần mềm chuyên ngành của Bộ, ngành trung ương triển khai xuống địa phương nên sẽ do Bộ, ngành trung ương thực hiện kết nối, tích hợp với CSDL quốc gia về dân cư.

- Thực hiện kết nối liên thông 2 nhóm dịch vụ công liên thông:

(1) Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và (2) Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú – Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng trên địa bàn tỉnh An Giang. Ngày 17/9/2024 đã hoàn thành kết nối, chia sẻ với phần mềm dịch vụ công liên thông theo hướng dẫn của Bộ Công an; phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

đ) Triển khai thanh toán trực tuyến (thống kê trên cổng DVC quốc gia tại địa chỉ: <https://quantri.dichvucong.gov.vn/>).

- Đối với phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính trong năm 2024: Tổng số giao dịch thành công là **376.008 lượt** giao dịch (tăng 284.951 lượt giao dịch so với năm trước (năm 2023: 91.057 lượt giao dịch)) với tổng số tiền thu được: **10.350.102.290 đồng**.

- Đối với nghĩa vụ tài chính về thu thuế đất: Tổng số giao dịch thành công là **13.659 lượt** giao dịch (tăng 3.780 lượt giao dịch so với năm trước (năm 2023: 9.879 lượt giao dịch)), với tổng số tiền thu được: **66.491.472.884 đồng**.

e) Tập huấn, bồi dưỡng

Trong kỳ báo cáo (ngày 30/8/2024), UBND tỉnh đã giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan

hướng dẫn, tập huấn cho hơn 600 cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, phòng, ban các Sở, ban, ngành tỉnh; Lãnh đạo Văn phòng UBND và công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, phòng, ban các huyện, thị xã, thành phố; Lãnh đạo UBND cấp xã và cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính. Đồng thời triển khai Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 11/4/2024 triển khai thực hiện hện giờ giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch tuyên truyền Cải cách thủ tục hành chính năm 2020, định hướng đến 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai có hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng³ (với 6.517 thành viên) tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên tổ chức tập huấn, cập nhật kiến thức cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến mà tỉnh cung cấp. Đồng thời đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng để thúc đẩy công nghệ số, đưa người dân lên môi trường số, người dân tiên phong sử dụng nền tảng số, công nghệ số, qua đó, trở thành tác nhân thúc đẩy chính quyền công nghệ số mạnh mẽ hơn.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thiết lập kênh tuyên truyền cải cách TTHC, kiểm soát TTHC trên các trang mạng xã hội (Zalo OA, Fanpage Facebook, Youtube ...) lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên mạng xã hội và cổng thông tin điện tử.

- Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh tăng cường tuyên truyền và phát huy hiệu quả kênh OA Zalo (<https://zalo.me/tthcag>) về thủ tục hành chính để tuyên truyền các chủ trương, quy định mới về thủ tục hành chính.

- Tỉnh đã triển khai hệ thống trả lời tự động (Chatbot) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp cho người dân liên quan đến các TTHC cũng như DVC mà tỉnh đang triển khai.

- Các đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC dưới nhiều hình thức, như: Đăng tin bài về hoạt động kiểm soát TTHC; phổ biến kịp thời các nội dung công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động kiểm soát TTHC trên Cổng Thông tin điện tử; Tạo file hướng dẫn, tạo tài khoản giúp người

³ Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang (11/11 huyện thành lập Tổ CNSĐ với tổng cộng 6.517 thành viên; trong đó, Tổ cấp phường/xã: 156 tổ với 1.609 thành viên; Tổ cấp khóm/ấp: 731 tổ với 4.908 thành viên).

dân, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp cách nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia liên kết với cổng dịch vụ công của tỉnh, đăng trên Cổng thông tin của cơ quan.

- Các đơn vị thực hiện khá, tốt công tác truyền thông:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Thực hiện xây dựng các đoạn video clip tuyên truyền về công tác CCHC với tiêu đề “Ngành lao động thương binh và xã hội đẩy mạnh cải cách hành chính” trong chuyên mục Phóng sự phát trên Đài Truyền hình tỉnh; xây dựng các video clip hướng dẫn đăng ký tài khoản, tra cứu thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng Dịch vụ công tỉnh và đã thực hiện truyền thông tại 31 xã, phường, thị trấn thuộc 8 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của 1.550 người là cán bộ ấp, khóm, xã, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, tổ công nghệ số và gia đình chính sách đang hưởng BTXH.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường: Xây dựng video clip hướng dẫn về dịch vụ công trực tuyến, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và phát sóng trên Đài Truyền hình An Giang.

+ UBND huyện Phú Tân, thị xã Tân Châu: Tuyên truyền đa dạng trên Cổng thông tin điện tử, đài truyền thanh, mạng xã hội.

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát thủ tục hành chính cũng như công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh trong năm 2024, các đơn vị đã triển khai một số mô hình như sau:

- **Giải pháp hẹ giờ giải quyết TTHC:** UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai giải pháp này, cho phép người dân đặt lịch hẹn trước khi đến cơ quan giải quyết TTHC, tiết kiệm thời gian chờ đợi.

- **Mô hình "Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp":** Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai mô hình này để tăng cường hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

- **Xây dựng mô hình điểm về áp dụng thực hành 5S:** Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất sáng kiến này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố Long Xuyên, giúp nâng cao hiệu suất làm việc.

- **Mô hình "Ngày Thứ năm xanh - Làm nhanh 05 thủ tục":** Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành triển khai mô hình này, tập trung giải quyết nhanh chóng 05 thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh.

- **Triển khai tuyển sinh đầu cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang:** tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác tuyển sinh THPT đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang.

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC: Trong thời gian qua tỉnh đã tiến hành kiểm tra các đơn vị theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 29/3/2024. Văn phòng UBND tỉnh đã có báo cáo số 402/BC-VPUBND ngày 19/12/2024 báo cáo kết quả kiểm tra.

12. Nội dung khác

a. Định kỳ hằng tháng, công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

b. Cơ chế, chính sách phù hợp, bảo đảm bố trí đầy đủ nhân lực, kinh phí hàng năm cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, hoàn thành các mục tiêu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Chính sách, nhân lực phục vụ **công tác cải cách thủ tục hành chính:** trong thời gian qua UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND, theo đó quy định số lượng cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị và địa phương với tổng số 426 người của 194 đơn vị (20 cơ quan thuộc UBND tỉnh; 11 UBND huyện, thị xã, thành phố; 156 xã, phường, thị trấn và 07 cơ quan ngành dọc), cụ thể lãnh đạo là 232 người chiếm tỷ lệ 54.46% và chuyên viên 194 người chiếm tỷ lệ 45.54%; tại Văn phòng UBND tỉnh bố trí 03 nhân sự (tăng 01 nhân sự biệt phái) giúp Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công chức được phân công làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị được hỗ trợ 440.000 đồng/tháng (theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/7/2023); bồi dưỡng: Hàng năm tỉnh tổ chức tập huấn các nội dung như: về nghiệp vụ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa một cửa liên thông.

- Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1205/KH-UBND ngày 18/11/2024 về Khung triển khai dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang (nhằm đảm bảo theo các quy định tại Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT⁴; Nghị định số 69/2024/NĐ-CP⁵).

- **Bố trí kinh phí 2024 và các năm tiếp theo** cho việc triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số:

⁴ Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh;

⁵ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

+ **Vốn đầu tư:** Giai đoạn 2021 - 2025, nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh bố trí vốn triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số với tổng vốn đầu tư là 318.095 triệu đồng (Công tác bảo vệ môi trường thực hiện 02 dự án với tổng vốn bố trí là 52.380 triệu đồng; Lĩnh vực Công nghệ thông tin thực hiện 12 dự án với tổng vốn bố trí là 265.715 triệu đồng).

+ **Vốn sự nghiệp bố trí dự toán năm 2024:** *Kinh phí đối với Đề án 06/CP* (Năm 2024 đã bố trí: 2.939 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.245 triệu đồng); *Kinh phí đối với thực hiện chuyển đổi số* (Năm 2024 đã bố trí: 31.268 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 20.168 triệu đồng); *Kinh phí đối với cải cách hành chính* (Năm 2024 đã bố trí: 1.764 triệu đồng; năm 2024 dự kiến bố trí: 1.414 triệu đồng).

c. Kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 (lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo: đạt 5, chưa đạt 6), cụ thể:

Stt	Tên Chỉ tiêu	Chỉ tiêu được giao	Đơn vị tính	Tỷ lệ đạt	Tự đánh giá
1	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn	100	%	74,22	Không đạt
2	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100	%	71,46	Không đạt
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Tối thiểu 80	%	39,45	Không đạt
4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 50	%	80,12	Đạt
5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Tối thiểu 45	%	65,47	Đạt
6	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Tối thiểu 80	%	85,32	Đạt
7	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100	%	88,13	Không đạt

Stt	Tên Chỉ tiêu	Chỉ tiêu được giao	Đơn vị tính	Tỷ lệ đạt	Tự đánh giá
8	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	Tối thiểu 50	%	1,39	Không đạt
9	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện	100	%	100	Đạt
10	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100	%	98	Không đạt
11	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	Tối thiểu 90	%	97,39	Đạt

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2024, UBND tỉnh An Giang nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính như sau:

a. Thuận lợi:

- Hiện nay, công tác cải cách hành chính nói chung và kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính nói riêng được sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nên đã tạo ra bước chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân góp phần nâng cao nhận thức và chuyên môn trong thực thi công vụ. Nhờ vậy, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến có sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước, thể hiện sự chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được triển khai và ứng dụng hiệu quả, tạo kênh tương tác thông suốt giữa cơ quan hành chính và người dân, doanh nghiệp. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác và kịp thời. Nhờ vậy, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan hành chính được nâng lên rõ rệt.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện, góp phần tinh gọn thủ tục, ưu tiên xem xét giải quyết trước hạn (rút ngắn thời gian) giải quyết TTHC. Các thủ tục hành chính được công khai đầy đủ theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, thực hiện.

- Việc giải quyết TTHC sử dụng dịch vụ chuyển phát bưu điện, bưu chính công ích được triển khai, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC được tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC.

- Những kết quả đạt được trong công tác kiểm soát TTHC là minh chứng cho sự nỗ lực của các cơ quan hành chính trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b. Hạn chế:

- Một số lĩnh vực thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành trung ương nhưng chưa đồng bộ đầy đủ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh nên công tác báo cáo, chỉ đạo điều hành của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Tỷ lệ hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cơ bản đáp ứng theo tỷ lệ được giao, tuy nhiên đa phần người dân An Giang chủ yếu làm nông nghiệp. Do đó về nhận thức, điều kiện tiếp cận các thông tin tuyên truyền của chính quyền địa phương còn hạn chế nên vẫn còn thói quen thích đến nộp hồ sơ trực tiếp hơn là nộp trực tuyến. Từ đó, gây áp lực rất lớn cho cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa (phải làm thay người dân để đơn vị đạt tỷ lệ được cấp trên giao).

- Việc số hóa hồ sơ đầu vào tại Bộ phận một cửa các cấp vẫn còn thấp so với hồ sơ tiếp nhận, một phần do các đơn vị chưa quan tâm đầu tư, bố trí trang thiết bị phục vụ công tác số hoá.

- Đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện kiểm soát TTHC phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và thay đổi thường xuyên nên việc cập nhật đôi khi còn chậm trễ.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận “Một cửa” không còn, do đó chưa động viên kịp thời tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Theo dõi, đôn đốc bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 24/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024; các nội dung theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm; tiếp tục rà soát cắt giảm ít nhất 20% các thông tin phải khai báo khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ về Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Quyết định số 468/QĐ-TTg và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Xây dựng, ban hành kế hoạch năm 2025 về tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện tốt và đẩy mạnh hơn nữa việc kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương, UBND tỉnh An Giang có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Văn phòng Chính phủ

1.1. Chủ trì đơn đốc các Bộ ban hành danh mục TTHC có thành phần hồ sơ phải số hóa để địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất.

1.2. Kiến nghị tăng số lượng các ngân hàng liên kết trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để thuận tiện hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thanh toán trực tuyến. Bổ sung phương thức quét mã QR để thanh toán phí, lệ phí TTHC để thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp hơn khi thanh toán và bảo mật thông tin người dùng.

1.3. Bổ sung thêm tính năng xuất dữ liệu danh sách trạng thái các hồ sơ đã được đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (tại trang quản trị) để làm cơ sở rà soát, đối chiếu khi phát hiện sai sót.

1.4. Xem xét tính tròn điểm, đối với điểm số công khai thủ tục hành chính của địa phương theo tiêu chí đánh giá tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Lý do, trong thời gian qua nhiều Bộ, ngành thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính chưa đảm bảo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP (không cập TTHC từ quyết định cũ sang quyết định mới của Bộ đã công bố; quyết định công bố TTHC nhưng lầy số lùi; quyết định công bố TTHC nhưng có hiệu lực sau 01 tháng và chưa công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC nên địa phương khó khăn trong quá trình địa phương hóa TTHC).

1.5. Hướng dẫn xác định trạng thái khi xử lý các hồ sơ lĩnh vực đất đai, cụ thể:

Theo Khoản 10 Điều 22 Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai:

“10. Thời gian quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 của Nghị định này; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận”.

Theo khoản 5 Điều 12 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đất đai, quy định:

“5. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, **không bao gồm thời gian giải quyết** của các cơ quan sau đây:

- a) Thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định;
- b) Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định;
- c) Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định;
- d) Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất;
- đ) Thời gian người sử dụng đất thỏa thuận để thực hiện tích tụ đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai;
- e) Thời gian trích đo địa chính thửa đất.”

Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg, quy định: “**Thời hạn giải quyết tối đa của TTHC lấy theo thời hạn giải quyết của TTHC đã được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC**”.

Để không bị tính quá hạn trong giải quyết TTHC về đất đai, kiến nghị Văn phòng Chính phủ hướng dẫn địa phương **chọn trạng thái số mấy** trong 10 trạng thái: (1) Mới đăng ký; (2) Được tiếp nhận; (3) Không được tiếp nhận; (4) Đang xử lý; (5) Yêu cầu bổ sung giấy tờ; (6) Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính; (7) Công dân yêu cầu rút hồ sơ; (8) Dừng xử lý; (9) Đã xử lý xong; (10) Đã trả kết quả.

1.6. Đối với mẫu giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả: kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, cho bổ sung cụm từ “thời gian trả kết quả chưa tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng” tại dòng “Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ” để đảm bảo theo Khoản 10 Điều 22 Nghị định 101/2024/NĐ-CP, khoản 5 Điều 12 Nghị định 102/2024/NĐ-CP.

1.7. Đối với thanh toán trực tuyến về nghĩa vụ tài chính:

- Trước khi Luật đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn được ban hành và có hiệu lực:

+ Năm 2021, An Giang đã triển khai thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/03/2021. Theo đó, ngay sau khi có biên

lai thanh toán điện tử được trả từ Cổng Dịch vụ công quốc gia các đơn vị sẽ trả kết quả cho người dân.

+ Năm 2024, An Giang đã triển khai thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với hợp tác xã, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024. Theo đó, ngay sau khi có biên lai thanh toán điện tử được trả từ Cổng Dịch vụ công quốc gia các đơn vị sẽ trả kết quả cho người dân.

- Sau khi Luật đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn được ban hành và có hiệu lực:

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36, điểm d khoản 3 Điều 37, điểm b khoản 3 Điều 43, điểm b khoản 4 và điểm c khoản 4 Điều 44 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định “Sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính” thì UBND cấp có thẩm quyền hoặc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận.

Tại điểm h khoản 2 Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định “Cơ quan thuế xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất” trước khi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình cấp có thẩm quyền ký cấp Giấy chứng nhận.

Tuy nhiên tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tài chính trên môi trường điện tử quy định: “4. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thông tin đã trích nộp vào ngân sách nhà nước thành công được gửi cho người nộp ngân sách nhà nước, cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính và các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có) để thực hiện các bước tiếp theo trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân”.

Như vậy, trường hợp người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và có “chứng từ nộp ngân sách nhà nước có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thông tin đã trích nộp vào ngân sách nhà nước thành công” **thì dựa trên chứng từ này, UBND cấp có thẩm quyền hoặc Văn phòng Đăng ký đất đai có được thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất không (theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ nêu trên và Nghị định số 45/2020/NĐ-CP)** hay vẫn phải chờ nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính/xác nhận hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì mới thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

1.8. Nâng mức chi hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính:

Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tài chính về nâng mức chi hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị và địa phương (Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Cấp Bộ: 30.000 đồng/người/ngày; địa phương 20.000 đồng/người/ngày).

Lý do: Hiện nay, nhiệm vụ của cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính phát sinh rất nhiều (gắn chặt với nhiệm vụ chuyển đổi số, Đề án 06, rà soát quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật) nhưng vẫn áp dụng định mức chi từ năm 2012 là chưa tương xứng nhiệm vụ được giao.

1.9. Hướng dẫn mức thu phí chứng thực điện tử:

Theo quan điểm của Bộ Tư pháp việc thu phí chứng thực bản sao từ bản chính (bản giấy) và chứng thực điện tử được thực hiện như sau: (1) Trường hợp người dân chỉ yêu cầu chứng thực điện tử thì thực hiện thu phí theo quy định. (2) Trường hợp người dân có yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính (bản giấy) và chứng thực điện tử thì thực hiện thu phí đồng thời đối với cả 02 thủ tục.

Tuy nhiên, thực hiện Công văn số 6332/VPCP-KSTT ngày 06/9/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện chứng thực điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Theo đó, trong trường hợp người dân chỉ yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính (bản giấy), không có yêu cầu chứng thực điện tử thì cơ quan giải quyết chủ động thực hiện cấp song song bản chứng thực điện tử. Điều này sẽ gây khó khăn cho địa phương khi thực hiện thu phí, kiểm soát nguồn thu và thực hiện thanh toán, quyết toán, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Từ các nội dung trên, An Giang kính mong Văn phòng Chính phủ hướng dẫn việc thu phí trong trường hợp cơ quan giải quyết chủ động cấp song song bản sao chứng thực điện tử cùng với bản sao truyền thống (bản giấy) khi người dân không có yêu cầu cấp sao chứng thực điện tử.

2. Bộ Tài chính

- Rà soát, công bố thống nhất nội dung thông tin trên Quyết định và nội dung công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Sớm hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng hệ thống Dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách để đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo chỉ tiêu về công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC của Sở Tài chính nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung.

3. Bộ Kế hoạch đầu tư

Hỗ trợ sớm thực hiện việc đồng bộ dữ liệu mà địa phương xử lý trên Hệ thống của Bộ (phần mềm chuyên ngành: đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, hộ kinh

doanh cấp huyện) với Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ đánh giá chỉ số công khai, minh bạch của tỉnh theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ rà soát các TTHC của địa phương có quy định phí, lệ phí để thống nhất trên toàn quốc và để các địa phương thuận tiện trong triển khai thực hiện.

5. Bộ Giao thông vận tải

- Khi thực hiện công bố thủ tục hành chính nên gửi Quyết định đến địa phương để tiến hành công bố, công khai theo đúng thời gian quy định (Theo Điều 9 tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

- Sớm có giải pháp nâng cấp Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, hỗ trợ địa phương thực hiện đồng bộ dữ liệu chuyên ngành đối với các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp về thủ tục cấp, cấp đổi giấy phép lái xe trên hệ thống của Bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để tỉnh được tính điểm công khai, minh bạch theo đánh giá tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Hoặc chia sẻ các API để tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, sau đó dữ liệu được đồng bộ về phần mềm chuyên ngành của Bộ để xử lý nghiệp vụ, nhằm tránh tiếp diễn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện cập nhật trên nhiều hệ thống, gây lãng phí thời gian, chi phí, nguồn lực, giảm năng suất lao động theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

UBND tỉnh An Giang kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch đầu tư;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Đồng chí Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng TTĐT tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Cổng TTĐT VP. UBND tỉnh An Giang (đăng tải B/C);
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC 1

Các quyết định Công bố danh mục TTHC

(Kèm theo Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;
2. Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;
3. Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;
4. Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;
5. Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 26/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;
6. Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
7. Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;
8. Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
9. Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực bảo trợ

xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

10. Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công chức thuộc chức năng quản lý của Sở Nội vụ;

11. Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính;

12. Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ;

14. Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

15. Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

16. Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 05/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

17. Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

18. Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

19. Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

21. Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

22. Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

23. Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

24. Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

25. Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

27. Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 30/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

28. Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

29. Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

30. Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 13/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính;

31. Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 13/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

32. Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

33. Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chăn nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

34. Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

35. Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, huỷ bỏ, huỷ công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

36. Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

37. Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 15/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

38. Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

39. Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 08/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

40. Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 02/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

41. Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

42. Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

43. Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 23/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

44. Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 19/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

45. Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 17/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

46. Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 05/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

47. Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 05/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành liên quan đến lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Công an tỉnh An Giang;

48. Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 02/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

49. Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

50. Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 25/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

51. Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 24/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch và quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

52. Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục bị bãi bỏ hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

53. Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 17/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hàng hải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

54. Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 17/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

55. Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 12/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

56. Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính

được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

57. Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 31/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp;

58. Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

59. Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 23/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

60. Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 17/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

61. Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

62. Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

63. Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

64. Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 08/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản, lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

65. Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

66. Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

67. Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 04/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

68. Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

69. Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

70. Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

71. Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thể dục thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

72. Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

73. Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

74. Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

75. Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 10/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực

vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

76. Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

77. Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

78. Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

79. Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

80. Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

81. Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 22/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

82. Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 21/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Công chức, viên chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

83. Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 19/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

84. Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

85. Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 08/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực khám chữa bệnh và lĩnh vực y tế dự phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

86. Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 06/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

87. Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

88. Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 05/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

89. Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Công chức, viên chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

90. Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

91. Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

92. Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

93. Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

94. Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

95. Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

96. Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

97. Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

98. Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

99. Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

100. Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

101. Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

102. Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

103. Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

104. Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh

vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

105. Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

106. Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết và chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

107. Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

108. Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực dân tộc thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Ban Dân tộc tỉnh An Giang;

109. Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

110. Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thư viện thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

111. Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang;

112. Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang;

113. Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

114. Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục bị bãi bỏ hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

PHỤ LỤC 2

Các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC
(Kèm theo Báo số 1430/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

1. Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;
2. Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;
3. Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;
4. Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;
5. Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính ban hành mới, được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực nhà ở thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
6. Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.;
7. Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
8. Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh;

9. Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

10. Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

11. Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

12. Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xoá đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh An Giang;

13. Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

14. Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

15. Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;

16. Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thay thế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức, viên chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

17. Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;

18. Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

19. Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 25/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý giá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh An Giang;

20. Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 11/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

21. Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 11/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

22. Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 27/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

23. Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 14/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng (theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh);

24. Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

25. Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

26. Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 22/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính Thủ tục “Xác nhận thông tin hộ tịch” thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp;

27. Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp;

28. Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 09/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

29. Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 02/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

30. Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 26/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

31. Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 14/06/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

32. Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

33. Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

34. Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ thay thế trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang;

35. Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 22/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

36. Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 20/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

37. Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 15/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang;

38. Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang;

39. Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

40. Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương;

41. Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính An Giang;

42. Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải áp dụng tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang;

43. Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

44. Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 14/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

45. Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 11/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

46. Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;

47. Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

48. Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

49. Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực dân tộc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Ban Dân tộc tỉnh An Giang;

50. Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

51. Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang;

52. Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

53. Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang;

54. Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

55. Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang;

PHỤ LỤC 3

Thông kê các đơn vị gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
(Kèm theo Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
CẤP TỈNH				
1	Ban Dân tộc	Đúng hạn	Đã ký số	x
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Sở Công Thương	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Sở Giao thông vận tải	Trước hạn	Đã ký số	x
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đúng hạn	Đã ký số	x
7	Sở Khoa học và Công nghệ	Trước hạn	Đã ký số	x
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Trước hạn	Đã ký số	x
9	Sở Ngoại vụ	Trước hạn	Đã ký số	x
10	Sở Nội vụ	Đúng hạn	Đã ký số	x
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trước hạn	Đã ký số	x
12	Sở Tài chính	Đúng hạn	Đã ký số	x
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trước hạn	Đã ký số	x
14	Sở Thông tin và Truyền thông	Trước hạn	Đã ký số	x
15	Sở Tư pháp	Trước hạn	Đã ký số	x
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trước hạn	Đã ký số	x
17	Sở Xây dựng	Trước hạn	Không ký số	x
18	Sở Y tế	Đúng hạn	Đã ký số	x
19	Thanh tra tỉnh	Trước hạn	Đã ký số	x
NGÀNH DỤC				
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
2	Hải quan tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy

STT	Đơn vị	Đánh giá tiến độ	Thực hiện ký số	Gửi báo cáo trên hệ thống Báo cáo Chính phủ
3	Cục thuế tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
4	Công an tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
5	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang	Đúng hạn		Báo cáo giấy
7	Ngân hàng chính sách xã hội			0
8	Ngân hàng phát triển Việt Nam	Đúng hạn		0
CẤP HUYỆN				
1	Ủy ban nhân dân huyện An Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
2	Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú	Trước hạn	Đã ký số	x
3	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Trước hạn	Đã ký số	x
4	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới	Trước hạn	Đã ký số	x
5	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	Đúng hạn	Đã ký số	x
6	Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn	Trước hạn	Đã ký số	x
7	Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn	Đúng hạn	Không ký số	x
8	Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc	Quá hạn	Đã ký số	x
9	Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	Đúng hạn	Đã ký số	x
10	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu	Trước hạn	Đã ký số	x
11	Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên	Đúng hạn	Đã ký số	x

Ghi chú:

- x: đã thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC và thực hiện nghiêm túc chế độ, thông tin báo cáo theo quy định (đủ điều kiện hỗ trợ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát TTHC).

- 0: Chưa gửi báo cáo (Tại thời điểm hoàn chỉnh báo cáo).

PHỤ LỤC 4

Tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã Năm 2024 trên hệ thống Báo cáo Chính phủ

(Kèm theo Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

I. SỐ LIỆU TỔNG CỦA TỪNG CẤP

Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn trong kỳ (bao gồm hồ sơ đã xử lý và đang xử lý) = Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý trước hạn, đúng hạn và trong hạn trong kỳ / Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ * 100% (Công thức theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(13)
	TỔNG = 1+2+3	901.402	661.775	230.312	9.315	893.181	359.298	532.039	1.844	8.221	8.027	194	899.364	99,77%
1	CẤP TỈNH	200.026	113.229	84.451	2.346	197.468	65.665	131.614	189	2.558	2.446	112	199.725	99,85%
2	CẤP HUYỆN	240.150	124.331	108.965	6.854	235.034	69.594	163.962	1.478	5.116	5.064	52	238.620	99,36%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
3	CẤP XÃ	461.226	424.215	36.896	115	460.679	224.039	236.463	177	547	517	30	461.019	99,96%
4	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC	4.325.074	3.884.246	426.094	14.734	4.288.017	1.831.957	2.455.959	101	37.057	37.057	0	4.324.973	100%

II. CHI TIẾT CẤP TỈNH

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	200.026	113.229	84.451	2.346	197.468	65.665	131.614	189	2.558	2.446	112	199.725	100%
1	Sở Giao thông Vận tải	96.226	20.787	75.439	-	95.516	-	95.471	45	710	710	-	96.181	100%
2	Sở Công thương	42.337	42.257	16	64	42.323	42.323	-	-	14	14	-	42.337	100%
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	27.333	26.484	793	56	27.237	775	26.457	5	96	96	-	27.328	100%
4	Sở Tư pháp	17.013	9.257	7.201	555	16.118	16.020	-	98	895	789	106	16.809	98,80%
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.378	5.592	376	410	5.965	2.099	3.866	-	413	413	-	6.378	100%
6	Sở Y tế	3.155	2.920	52	183	3.050	-	3.028	22	105	105	-	3.133	99,30%
7	Sở Xây dựng	1.888	1.615	173	100	1.714	1.710	-	4	174	174	-	1.884	100%
8	Sở Nội vụ	1.446	594	-	852	1.427	545	882	-	19	19	-	1.446	100%
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	1.248	1.192	52	4	1.224	-	1.224	-	24	24	-	1.248	100%
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.096	751	266	79	1.039	391	637	11	57	51	6	1.079	98,45%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	671	665	-	6	655	654	-	1	16	16	-	670	100%
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	595	566	1	28	568	567	-	1	27	27	-	594	99,83%
13	Sở Tài chính	335	335	-	-	335	335	-	-	-	-	-	335	100%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	95	91	-	4	91	91	-	-	4	4	-	95	100%
15	Sở Thông tin và truyền thông	81	77	-	4	77	77	-	-	4	4	-	81	100%
16	Thanh tra tỉnh	67	-	67	-	67	38	29	-	-	-	-	67	100%
17	Ban quản lý Khu kinh tế	32	16	15	1	32	32	-	-	-	-	-	32	100%
18	Sở Ngoại vụ	28	28	-	-	28	8	20	-	-	-	-	28	100%
19	Ban dân tộc	2	2	0	0	2	0	0	2	-	0	0	-	0%

III. CHI TIẾT CẤP HUYỆN

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+(12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	240.150	124.331	108.965	6.854	235.034	69.594	163.962	1.478	5.116	5.064	52	238620	99,36%
1	Huyện Tịnh Biên	41.464	38.401	2.138	925	40.655	14.085	26.110	460	809	808	1	41003	98,89%
2	TP. Long Xuyên	36.523	9.554	25.857	1.112	35.395	15.365	19.894	136	1.128	1.118	10	36377	99,60%
3	Huyện Chợ Mới	32.375	15.346	16.519	510	31.766	18.413	13.224	129	609	609	-	32246	99,60%
4	Huyện Tri Tôn	23.799	10.889	12.420	490	23.345	25	23.229	91	454	454	-	23708	99,62%
5	Huyện Châu Phú	22.467	5.723	15.705	1.039	22.124	3.689	18.028	407	343	302	41	22019	98,01%
6	Huyện Thoại Sơn	16.359	4.419	11.323	617	16.215	1.010	15.205	-	144	144	-	16359	100%
7	TP. Châu Đốc	16.091	3.334	12.488	269	15.750	24	15.726	-	341	341	-	16091	100%
8	Huyện Phú Tân	15.439	14.217	818	404	15.017	1.927	13.062	28	422	422	-	15411	99,82%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)= (4) +(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)= (8)+ (9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9) +(12)	(15)= (14)/ (3)
9	Huyện An Phú	14.845	8.414	6.224	207	14.693	1.154	13.382	157	152	152	-	14688	98,94%
10	Huyện Châu Thành	10.580	9.507	834	239	10.157	8.568	1.519	70	423	423	-	10510	99,34%
11	Thị xã Tân Châu	10.208	4.527	4.639	1.042	9.917	5.334	4.583	-	291	291	-	10208	100%

IV. CHI TIẾT CẤP XÃ

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Thực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9) +(12)	(15)= (14)/ (3)
	TỔNG	461.226	424.215	36.896	115	460.679	224.039	236.463	177	547	517	30	461019	99,96%
1	Huyện Chợ Mới	69.010	61.984	7.026	-	68.999	28.417	40.579	3	11	11	-	69007	100%
2	TP. Long Xuyên	60.817	58.486	2.320	11	60.817	15.065	45.729	23	-	-	-	60794	99,96%
3	Huyện Thoại Sơn	59.308	49.314	9.994	-	59.308	24.886	34.422	-	-	-	-	59308	100%
4	Huyện Tịnh Biên	49.624	45.320	4.304	-	49.622	23.594	26.023	5	2	2	-	49619	100%
5	Huyện Phú Tân	45.957	45.145	812	-	45.953	44.540	1.396	17	4	4	-	45940	99,96%
6	Huyện Châu Phú	42.517	42.460	-	57	42.032	19.094	22.913	25	485	484	1	42491	99,94%
7	Huyện An Phú	33.911	31.810	2.071	30	33.882	23.089	10.731	62	29	-	29	33820	100%
8	Huyện Châu Thành	28.471	24.425	4.046	-	28.471	12.629	15.834	8	-	-	-	28463	100%

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4) +(5) +(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9) +(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12) +(13)	(12)	(13)	(14)=(8) +(9) +(12)	(15)= (14)/ (3)
9	Huyện Tri Tôn	25.901	21.361	4.540	-	25.894	10.044	15.834	16	7	7	-	25885	100%
10	Thị xã Tân Châu	24.402	24.054	331	17	24.393	8.297	16.091	5	9	9	-	24397	99,98%
11	TP. Châu Đốc	21.308	19.856	1.452	-	21.308	14.384	6.911	13	-	-	-	21295	100%

V. CHI TIẾT NGÀNH DỤC

Ghi chú: Thứ tự được sắp xếp theo số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Tổng hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tỷ lệ đúng hạn
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính										
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)=(8)+(9)+12)	(15)=(14)/(3)
	TỔNG	4.325.074	3.884.246	426.094	14.734	4.288.017	1.831.957	2.455.959	101	37.057	37.057	-	4.324.973	100%
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang	1.867.137	1.738.370	114.239	14.528	1.835.704	1.694.490	141.214	-	31.433	31.433	-	1.867.137	100%
2	Kho bạc nhà nước tỉnh An Giang	1.132.669	1.119.562	13.107	-	1.132.669	130.065	1.002.503	101	-	-	-	1.132.568	100%
3	Công an tỉnh An Giang	934.362	781.863	152.379	120	928.793	-	928.793	-	5.569	5.569	-	934.362	100%
4	Cục Thuế tỉnh An Giang	300.581	199.999	100.496	86	300.528	7.203	293.325	-	53	53	-	300.581	100%
5	Cục Hải quan tỉnh An Giang	90.122	44.452	45.670	-	90.122	-	90.122	-	-	-	-	90.122	100%
6	Ngân hàng nhà nước chi nhánh	203	-	203	-	201	199	2	-	2	2	-	203	100%

PHỤ LỤC 5

Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2024 (Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/9/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, đồng %

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số tiền tiết kiệm được	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế (*)	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	08	0	0	04	04	0	0	0	0	0	100%
Tổng	08	0	0	04	04	0	0	0	0	0	100%

Ghi chú: Theo kế hoạch rà soát đã ban hành tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh là 08 TTHC, nay các đơn vị thực hiện rà soát là 08 TTHC tỉnh thực hiện rà soát đạt 100%.